

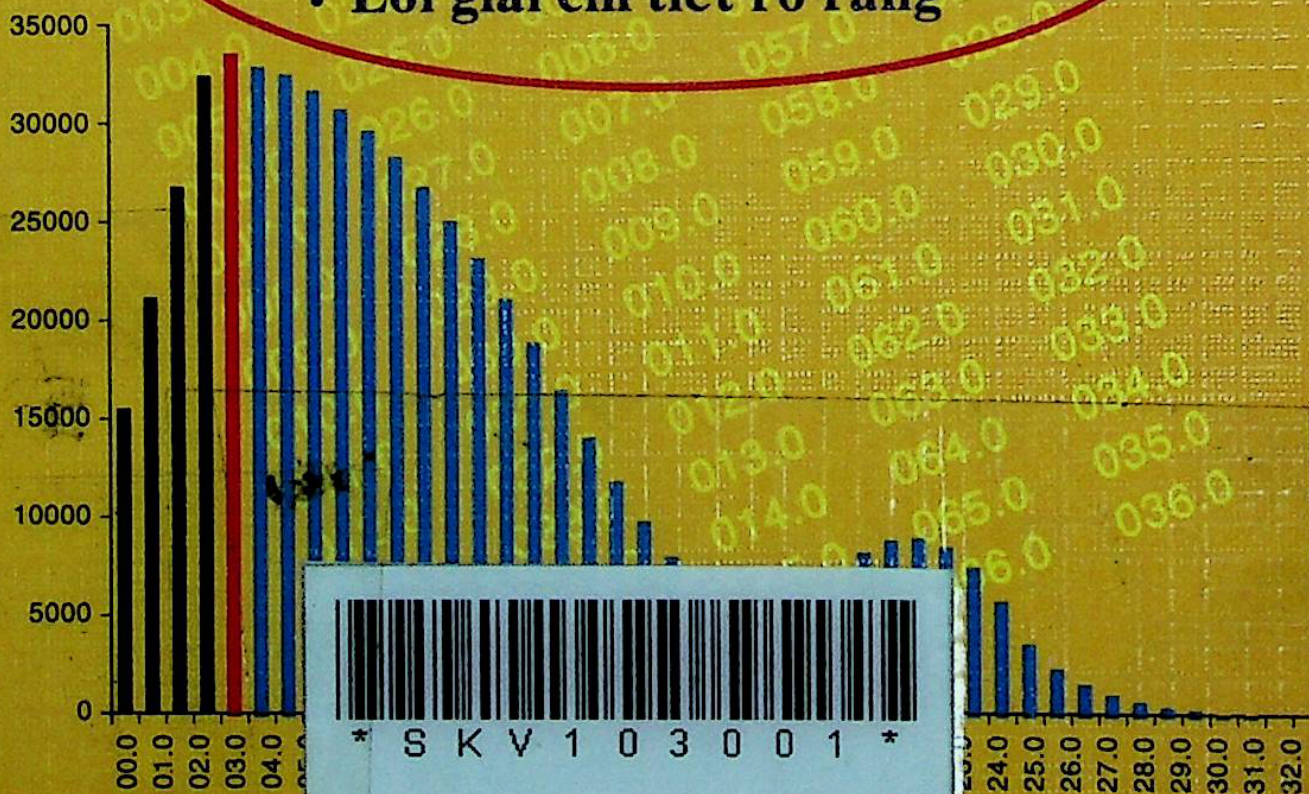
PGS.TS NGUYỄN THỊ KIM THÚY

NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

(Lý thuyết bài tập và bài giải)

ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ
& KINH DOANH SẢN XUẤT DỊCH VỤ

- Phong phú đủ các dạng bài tập, đề thi
- Lời giải chi tiết rõ ràng



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
NĂM 2010

ST: 207
PGS. TS.
NH: 15/11

2

PGS. TS. NGUYỄN THỊ KIM THÚY
(Trưởng Khoa)

NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

(LÝ THUYẾT THỐNG KÊ)

**ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ
VÀ KINH DOANH SẢN XUẤT - DỊCH VỤ**

- PHONG PHÚ ĐỦ CÁC DẠNG BÀI TẬP, ĐỀ THI.
- LỜI GIẢI CHI TIẾT RÕ RÀNG.

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐHSPKT
SKV 103001

NHÀ XUẤT BÁN THỐNG KÊ
NĂM 2009

LỜI NÓI ĐẦU

Để tiến hành các hoạt động kinh doanh sản xuất – dịch vụ (KDSX – DV) tại các đơn vị kinh tế cơ sở cũng như phát triển nền kinh tế – xã hội của đất nước trong cơ chế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN), có sự điều tiết của kế hoạch Nhà nước, đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, mang lại hiệu quả kinh tế cao... đòi hỏi được cung cấp một số lượng lớn thông tin thực tế về nhu cầu của xã hội, dân cư; nguồn nhân lực và nguồn vốn; thị trường lao động, thị trường kỹ thuật máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ thông tin; thị trường nguyên liệu, thị trường xuất – nhập khẩu, tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước; những thông tin về tiềm lực phát triển của đối thủ cạnh tranh, về xu thế phát triển kinh tế – xã hội trong nước, trong khu vực và trên thế giới... từ đó làm căn cứ cơ sở hoạch định chiến lược và chính sách phát triển kinh tế – xã hội, xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn và kế hoạch ngắn hạn phát triển hoạt động kinh doanh SX–DV, phát triển nền kinh tế – xã hội của đất nước đạt hiệu quả kinh tế cao. Muốn có được những thông tin mang tính chiến lược, chiến thuật trên đây, phải thực hiện các hoạt động điều tra thu thập ghi chép các thông tin dữ liệu thực tế về số liệu và tình hình phát sinh trong hoạt động kinh doanh SX–DV, trong phát triển kinh tế – xã hội theo địa điểm và thời gian cụ thể. Thực hiện tổng hợp và phân tích các thông tin dữ liệu thực tế thu thập được nhằm đưa ra những nhận định, kết luận cần thiết phục vụ thiết thực cho công tác quản lý SX–KD và phát triển kinh tế – xã hội trong từng thời gian, từng thời kỳ như đánh giá, kết luận về thành tựu phát triển, tồn tại, nguyên nhân từ đó nêu ra biện pháp, giải pháp thích hợp tích cực khắc phục tồn tại, yếu kém; phương hướng phát triển trước mắt và trong tương lai lâu dài... Những công việc thực hiện trên đây thuộc về nghiệp vụ công tác thống kê. Môn học Lý thuyết thống kê nghiên cứu để ra phương pháp điều tra thu thập thông tin, phương pháp phân tổ tổng hợp tài liệu điều tra; nghiên cứu hệ thống chỉ tiêu phân tích và phương pháp phân tích thực trạng tình hình hoạt động SX–DV, phát triển kinh tế – xã hội trong từng thời gian, từng thời kỳ phát triển – điều này không thể có được ở môn học khác.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thông tin; sự phân công lao động xã hội ngày càng phức tạp; nhu

cầu của xã hội và dân cư ngày càng cao, đa dạng; hoạt động kinh doanh SX-DV và kinh tế - xã hội phát triển với tốc độ nhanh... từ đó nhu cầu thông tin thực tế về tình hình trên đây càng trở nên bức xúc và phức tạp đối với thống kê... đòi hỏi thống kê phải hoàn thiện về mặt lý luận, về hệ thống chỉ tiêu phân tích và về hệ thống phương pháp thống kê : điều tra thu thập dữ liệu, phân tổ tổng hợp dữ liệu điều tra, tính toán các chỉ tiêu phân tích và phân tích thực trạng tình hình phát triển kinh doanh SX-DV và kinh tế - xã hội hiện tại và dự báo phát triển trong tương lai.

Môn học Lý thuyết thống kê sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp điều tra thu thập thông tin thực tế phát triển kinh doanh SX-DV, phát triển kinh tế - xã hội, tổng hợp tài liệu điều tra, tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích, vận dụng hệ thống phương pháp phân tích thực trạng phát triển kinh doanh SX-DV, phát triển kinh tế - xã hội; cung cấp dữ liệu cần thiết, phục vụ lãnh đạo các cấp quản lý thực hiện mục tiêu chiến lược quy hoạch phát triển kinh doanh SX-DV và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập thị trường thương mại thế giới.

Nội dung môn học được trình bày trong 8 chương :

Chương 1. Đối tượng nghiên cứu của nguyên lý thống kê.

Chương 2. Điều tra thống kê thu thập thông tin phát triển kinh tế - xã hội và kinh doanh sản xuất - dịch vụ.

Chương 3. Phân tổ tổng hợp tài liệu điều tra thống kê.

Chương 4. Các chỉ tiêu thống kê mức độ khối lượng của hiện tượng kinh tế - xã hội và kinh doanh sản xuất - dịch vụ.

Chương 5. Các chỉ tiêu thống kê mức độ tương đối của hiện tượng kinh tế - xã hội và kinh doanh sản xuất - dịch vụ.

Chương 6. Chỉ số phát triển và phân tích nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội, kinh doanh sản xuất - dịch vụ.

Chương 7. Chỉ số kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kinh doanh sản xuất - dịch vụ.

Chương 8. Thống kê xu hướng phát triển và dự báo phát triển kinh tế - xã hội, kinh doanh sản xuất - dịch vụ.

TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

- Lời nói đầu

3

Phần I : LÝ THUYẾT

Chương 1 : ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

1. Khái niệm về thống kê	7
2. Đối tượng nghiên cứu của Nguyên lý thống kê	7
3. Quá trình nghiên cứu thống kê	11
4. Một số khái niệm và phạm trù thường sử dụng trong thống kê	12
4.1. Tổng thể thống kê	12
4.2. Đơn vị tổng thể thống kê	13
4.3. Đơn vị điều tra	14
4.4. Đơn vị báo cáo	14
4.5. Tiêu thức thống kê	14
4.6. Lượng biến, tần số, tần suất	16
4.7. Chỉ tiêu thống kê	17
4.8. Hệ thống chỉ tiêu thống kê	18

Chương 2 : ĐIỀU TRA THỐNG KÊ THU THẬP THÔNG TIN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ KINH DOANH SẢN XUẤT - DỊCH VỤ

1. Ý nghĩa tác dụng và nhiệm vụ của điều tra thống kê	19
2. Các hình thức điều tra thống kê	20
2.1. Báo cáo thống kê định kỳ	20
2.2. Điều tra chuyên môn	21

3. Các loại điều tra thống kê	22
4. Các phương pháp điều tra thống kê	26
(1) Phương pháp trực tiếp	26
(2) Phương pháp gián tiếp	27
5. Sai số trong điều tra thống kê	27
6. Xây dựng phương án điều tra thống kê	28
(1) Mục đích, yêu cầu của cuộc điều tra	29
(2) Đối tượng điều tra và đơn vị điều tra	29
(3) Nội dung điều tra	30
(4) Thời điểm, thời kỳ điều tra và thời hạn điều tra	30
(5) Thiết kế mẫu, phiếu điều tra và bảng giải thích hướng dẫn cách ghi chép	31
(6) Xây dựng kế hoạch thực hiện điều tra	32

Chương 3 : PHÂN TỔ TỔNG HỢP TÀI LIỆU ĐIỀU TRA THỐNG KÊ VỀ HIỆN TƯỢNG KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ KINH DOANH SẢN XUẤT – DỊCH VỤ

1. Khái niệm phân tổ thống kê. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tổ thống kê	36
1.1. Khái niệm phân tổ thống kê. Các loại phân tổ thống kê	36
1.2. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tổ thống kê	38
2. Tiêu thức phân tổ thống kê – lựa chọn tiêu thức phân tổ thống kê bản chất	39
2.1. Tiêu thức phân tổ thống kê	39
2.2. Lựa chọn tiêu thức phân tổ thống kê bản chất	39
3. Xác định số tổ cần thiết và khoảng cách tổ	40
3.1. Xác định số tổ cần thiết	40
3.2. Xác định khoảng cách tổ	43
4. Kỹ thuật trình bày kết quả tổng hợp tài liệu điều tra qua phân tổ thống kê	45

4.1. Bảng thống kê	45
4.2. Đồ thị (biểu đồ) thống kê	47
Chương 4 : CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ MỨC ĐỘ KHỐI LƯỢNG CỦA HIỆN TƯỢNG KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ KINH DOANH – SẢN XUẤT DỊCH VỤ	
1. Chỉ tiêu mức độ khối lượng tuyệt đối trong thống kê	49
1.1. Đặc điểm, ý nghĩa – tác dụng của chỉ tiêu mức độ khối lượng tuyệt đối	49
1.2. Đơn vị tính toán chỉ tiêu mức độ khối lượng tuyệt đối thống kê	51
1.3. Các chỉ tiêu mức độ khối lượng tuyệt đối trong thống kê	52
2. Chỉ tiêu mức độ khối lượng bình quân trong thống kê	56
2.1. Ý nghĩa, đặc điểm của chỉ tiêu mức độ khối lượng bình quân	57
2.2. Các loại chỉ tiêu mức độ bình quân trong thống kê và phương pháp xác định	59
3. Chỉ tiêu mức độ khối lượng tăng, giảm	82
3.1. Chỉ tiêu mức độ khối lượng tăng, giảm tuyệt đối	82
3.2. Chỉ tiêu mức độ khối lượng tăng, giảm bình quân	86
4. Chỉ tiêu mức độ khối lượng tuyệt đối của 1% tốc độ tăng (giảm) từng kỳ	86
5. Chỉ tiêu mức độ biến thiên của tiêu thức	88
5.1. Khái niệm, ý nghĩa nghiên cứu độ biến thiên tiêu thức	88
5.2. Các chỉ tiêu biểu hiện độ biến thiên của tiêu thức	91
Chương 5 : CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ MỨC ĐỘ TƯƠNG ĐỐI CỦA HIỆN TƯỢNG KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ KINH DOANH – SẢN XUẤT DỊCH VỤ	
1. Ý nghĩa tác dụng, đặc điểm của các chỉ tiêu mức độ tương đối	99

2. Đơn vị tính chỉ tiêu mức độ tương đối	100
3. Các chỉ tiêu mức độ tương đối	100
3.1. Các chỉ tiêu mức độ tương đối động thái	100
3.2. Chỉ tiêu mức độ tương đối động thái tăng (giảm)	105
3.3. Chỉ tiêu mức độ tương đối kế hoạch	108
3.4. Chỉ tiêu mức độ tương đối kết cấu	111
3.5. Chỉ tiêu mức độ tương đối so sánh	112
3.6. Chỉ tiêu mức độ tương đối cường độ	115

**Chương 6 : CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH NHÂN TỐ
ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÀ KINH DOANH - SẢN XUẤT DỊCH VỤ**

1. Khái niệm chỉ số phát triển, ý nghĩa tác dụng của chỉ số phát triển	117
1.1. Khái niệm chỉ số phát triển	117
1.2. Ý nghĩa tác dụng của chỉ số phát triển	118
2. Phân loại chỉ số phát triển	118
2.1. Phân loại theo phạm vi nghiên cứu và tính toán	118
2.2. Phân loại theo tính chất của chỉ tiêu	118
2.3. Phân loại chỉ số theo kết hợp phạm vi tính toán và tính chất chỉ tiêu	120
2.4. Phân loại chỉ số chung theo biểu hiện của công thức chỉ số	121
3. Phương pháp xây dựng chỉ số và công thức tính	122
3.1. Phương pháp xây dựng chỉ số cá thể và công thức tính	123
3.2. Phương pháp xây dựng chỉ số chung và công thức tính	128
3.3. Phương pháp xây dựng chỉ số chỉ tiêu bình quân chung tổng thể và công thức tính	137
3.4. Phương pháp xây dựng chỉ số chỉ tiêu bình quân bộ phận, đơn vị thuộc tổng thể và công thức tính	141

4. Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến chỉ số phát triển	142
4.1. Phương pháp chung xây dựng hệ thống chỉ số	143
4.2. Phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số phát triển chỉ tiêu bình quân tổng thể – phân tích nhân tố ảnh hưởng	144

Chương 7 : CHỈ SỐ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ KINH DOANH SẢN XUẤT – DỊCH VỤ

1. Khái niệm, ý nghĩa tác dụng của chỉ số kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và sản xuất – kinh doanh	155
1.1. Khái niệm chỉ số kế hoạch phát triển	155
1.2. Ý nghĩa tác dụng của chỉ số kế hoạch	155
2. Phương pháp xây dựng chỉ số kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và sản xuất kinh doanh	156
2.1. Phương pháp xây dựng chỉ số nhiệm vụ kế hoạch	156
2.2. Phương pháp xây dựng chỉ số hoàn thành kế hoạch	165
3. Mối quan hệ toán học và nội dung kinh tế giữa chỉ số tốc độ phát triển và chỉ số kế hoạch phát triển kinh tế – sản xuất kinh doanh	173
3.1. Mối quan hệ tích số	173
3.2. Mối quan hệ thương số	174
4. Hệ thống chỉ số mối quan hệ giữa chỉ số phát triển và chỉ số kế hoạch phát triển	181
4.1. Hệ thống chỉ số cá thể	182
4.2. Hệ thống chỉ số chung	185
5. Hệ thống chỉ số chung phân tích hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu tổng trong quan hệ thương số	188

**Chương 8 : THỐNG KÊ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ
DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI,
KINH DOANH SẢN XUẤT – DỊCH VỤ**

1. Thống kê phân tích xu hướng phát triển kinh tế – xã hội, kinh doanh sản xuất – dịch vụ	197
1.1. Phương pháp mở rộng khoảng cách thời gian	197
1.2. Phương pháp số bình quân di động	199
1.3. Phương pháp hồi quy	201
1.4. Phương pháp thời vụ	208
2. Dự báo thống kê phát triển kinh tế – xã hội và kinh doanh sản xuất – dịch vụ	210
2.1. Mô hình dự báo theo tốc độ phát triển bình quân	211
2.2. Mô hình dự báo theo mức độ tăng, giảm tuyệt đối bình quân	212
2.3. Mô hình dự báo theo phương trình hồi qui đường thẳng	213
2.4. Dự báo theo mô hình nhân	214

Phần II : BÀI TẬP ỨNG DỤNG

– Bài tập ứng dụng phân tổ thống kê trong Chương 3	219
– Bài tập ứng dụng Chương 4	220
– Bài tập ứng dụng Chương 5	233
– Bài tập ứng dụng Chương 6	247
– Bài tập ứng dụng Chương 7	259
– Bài tập ứng dụng Chương 8	263

Phần III : ĐỀ THI MẪU

- Đề số 1	269
- Đề số 2	270
- Đề số 3	272
- Đề số 4	273
- Đề số 5	275
- Đề số 6	277
- Đề số 7	279
- Đề số 8	281
- Đề số 9	282
- Đề số 10	284
- Đề số 11	286
- Đề số 12	287
- Đề số 13	289
- Đề số 14	291
- Đề số 15	292
- Đề số 16	294
- Đề số 17	296
- Đề số 18	298
- Đề số 19	300
- Đề số 20	301

**Phần IV : PHẦN HƯỚNG DẪN
GIẢI BÀI TẬP, ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**

- Hướng dẫn giải bài tập, đề thi và đáp án	307
- Phần giải 20 đề thi mẫu	429

* **TÌM ĐỌC :**

TS. PHAN ĐỨC DŨNG

TÀI CHÍNH VÀ BÀI GIẢI

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH (PHẦN I)

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

(Đã cấp nhật thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2010)

- Tóm tắt lý thuyết
- Câu hỏi trắc nghiệm và đáp án
- Bài tập ứng dụng giải chi tiết
- Bài tập tự giải
- Bài tập tổng hợp

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
NĂM 2010

TS. PHAN ĐỨC DŨNG

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

(LÝ THUYẾT BÀI TẬP VÀ BÀI GIẢI)

FIGURE The first step in calculating a lump sum pension is to calculate the present value of future pension payments.

\$ 12,000-per-Year Pension

Age	Present Value
62	\$ 11,473
63	\$ 10,874
64	\$ 10,381
74	\$ 8,643
75	\$ 8,318

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
NĂM 2010

TS. NGUYỄN MINH KIỀU
BÀI HỌC MỞ TP.HCM
VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KINH TẾ FULDAIGHT

TÀI CHÍNH

DOANH NGHIỆP

CĂN BẢN

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
NĂM 2010

TS. PHAN ĐỨC DŨNG

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

(PHẦN I)

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

(LÝ THUYẾT VÀ BÀI TẬP)

(Đã cấp nhật thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2010)

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
NĂM 2010

Sách trợ giá dành cho sinh viên trung Cấp, Cao Đẳng và Đại Học

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO ĐẠI VIỆT

NHÀ SÁCH KINH TẾ TUẤN MINH!
23 ĐÀO DUY TỬ, F.5, Q.10, TP.HCM
ĐT: 08.38531424
ĐTDD: 0918976920

Giá: 54.500 đ

